

**TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**

\*

Số 4307-CV/TU

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 3 năm 2020

*Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện  
Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị*

- Kính gửi:*
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
  - Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
  - Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
  - Các sở, ban, ngành tỉnh,
  - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH tỉnh,
  - Các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,

-----

Thực hiện Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 19/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về *tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khóa X) về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành tỉnh; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 11100-QĐ/TU ngày 24/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (có đề cương và phụ lục gửi kèm)*, gửi Thường trực Tỉnh ủy (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy) **trước ngày 10/5/2020**.

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW và Quyết định số 11100-QĐ/TU, hoàn thành trước ngày **20/5/2020**.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- C, PCVPTU, P.TH,
- Phòng TH-DTTG, BDVTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Bùi Thị Quỳnh Vân**

## **ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 11100-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị**  
(kèm theo Công văn số 4307-CV/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

-----

### **Phần thứ I**

## **KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 290-QĐ/TW VÀ QUYẾT ĐỊNH 11100-QĐ/TU**

### **I. Đặc điểm tình hình**

Nêu tóm tắt đặc điểm tình hình, những thuận lợi, khó khăn của địa phương, cơ quan, đơn vị có ảnh hưởng đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Quyết định 290) và Quyết định số 11100-QĐ/TU ngày 24/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Quyết định 11100).

### **II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quyết định 290 và Quyết định 11100**

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và hệ thống chính trị về Quyết định 290 và Quyết định 11100 và các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận.

2. Việc ban hành các văn bản và công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền để thực hiện Quyết định 290, Quyết định 11100 tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

### **III. Kết quả thực hiện**

#### **1. Việc thực hiện trách nhiệm của các tổ chức**

1.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội, văn phòng cấp ủy, các ban đảng của cấp ủy...).

Theo lĩnh vực phụ trách, đánh giá việc thực hiện tại mục I, Chương II của Quyết định 11100.

1.2. Các cơ quan nhà nước (Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, các cơ quan tư pháp, lực lượng vũ trang)

Theo lĩnh vực phụ trách, đánh giá việc thực hiện tại mục II, Chương II của Quyết định 11100.

### *1.3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội*

Theo lĩnh vực phụ trách, đánh giá việc thực hiện tại mục III, Chương II của Quyết định 11100.

### **2. Phương thức thực hiện một số nội dung công tác dân vận**

- Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.
- Sự vận động tham gia đóng góp ý kiến của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân.
- Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân và ý kiến, kiến nghị của cử tri.
- Việc phối hợp giải quyết các "điểm nóng", tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Việc thực hiện đối thoại giữa bí thư các cấp ủy và người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh với nhân dân và kết quả phối hợp giải quyết những yêu cầu, kiến nghị của nhân dân sau đối thoại.
- Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

### **3. Công tác kiện toàn bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong các tổ chức, cơ quan chuyên trách thực hiện công tác dân vận**

- Việc củng cố, kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ dân vận, nhất là ở cơ sở.
- Việc phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác dân vận, nhất là ở khối chính quyền; trách nhiệm trong việc chỉ đạo, tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ của cán bộ được phân công phụ trách công tác dân vận.

**4. Đánh giá tác động của việc thực hiện Quyết định 11100** (đối với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh...)

### **5. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết việc thực hiện Quyết định 11100**

## **IV. Đánh giá chung**

### **1. Kết quả đạt được và nguyên nhân**

**2. Hạn chế và nguyên nhân** (tập trung làm rõ những tồn tại, hạn chế qua triển khai thực hiện, nhất là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong thực hiện công tác dân vận; công tác phối hợp trong tham mưu, giải quyết các vụ việc bức xúc, nổi cộm; phân công cán bộ phụ trách công tác dân

*vận; đội ngũ cán bộ công tác dân vận ở cơ sở có đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới....).*

*3. Những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).*

*4. Bài học kinh nghiệm (nếu có).*

## **Phần thứ II** **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **I. Nhiệm vụ, giải pháp**

*1. Dự báo tình hình tác động đến việc thực hiện Quyết định 290 và Quyết định 11100*

*2. Nhiệm vụ, giải pháp*

### **II. Kiến nghị, đề xuất**

- Đối với Trung ương.

- Đối với tỉnh.

-----

**Phụ lục 1**  
**HỆ THỐNG VĂN BẢN CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN**  
**(sau khi ban hành Quyết định 11100)**  
*(kèm theo Công văn số 4307-CV/TU ngày 24/3/2020*  
*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

<b>TT</b>	<b>Thể loại/ Nội dung văn bản</b>	<b>Số, ngày văn bản</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
	<b>NGHỊ QUYẾT</b>		
1.			
2.			
3.			
	<b>CHỈ THỊ</b>		
4.			
5.			
6.			
	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>		
7.			
8.			
9.			
	<b>QUY ĐỊNH</b>		
10.			
11.			
12.			
	<b>KẾT LUẬN</b>		
13.			
14.			
15.			
	<b>THÔNG BÁO KẾT LUẬN</b>		
16.			
17.			
18.			

**Phụ lục 2**  
**HỆ THỐNG VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN**  
**(sau khi ban hành Quyết định 11100)**  
*(kèm theo Công văn số 4307-CV/TU ngày 24/3/2020*  
*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

-----

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Số, ngày văn bản</b>
	<b>HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN</b>	
1.		
2.		
3.		
	<b>ỦY BAN NHÂN DÂN</b>	
1.		
2.		
3.		

**Phụ lục 3**  
**SỐ LIỆU TỔNG HỢP 10 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 11100**  
*(kèm theo Công văn số 4307-CV/TU ngày 24/3/2020*  
*của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

----

<b>1. Số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận sau khi có Quyết định 11100</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
<b>2. Xây dựng Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị địa phương, đơn vị</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
<b>3. Họ tên/Chức danh cán bộ được phân công phụ trách công tác dân vận hiện nay</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
- Cấp ủy:.....	- Cấp ủy:.....	- Cấp ủy:.....
- Chính quyền:.....	- Chính quyền:.....	- Chính quyền:.....
- MTTQ, đoàn thể:.....	- MTTQ, đoàn thể:.....	- MTTQ, đoàn thể:.....
<b>4. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định 11100 (cộng 10 năm)</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
- Số đoàn:.....	- Số đoàn:.....	- Số đoàn:.....
- Số đơn vị kiểm tra:.....	- Số đơn vị kiểm tra:.....	- Số đơn vị kiểm tra:.....
<b>5. Số điển hình "Dân vận khéo" (cộng 10 năm)</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
<b>6. Tỷ lệ % đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết hàng năm</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương
<b>7. Tỷ lệ % vụ việc phức tạp được giải quyết hàng năm (nếu có)</b>		
Cấp tỉnh	Cấp huyện và tương đương	Cấp cơ sở và tương đương